

Số: 36 /2023/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án
đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục
tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình
xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí tư
vấn đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1122/TTr-SXD
ngày 12 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Các công trình, dự án đầu tư xây dựng được hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025 không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có)

Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản) được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số V - Phương pháp xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

2. Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản)

Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản áp dụng đối với tất cả các loại công trình được tính bằng 2% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng 0,0190% tổng mức đầu tư dự án, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

Điều 4. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án

1. Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng được xác định bằng 2,763% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

2. Trường hợp các dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng tỷ lệ tại khoản 1 Điều này nhân với hệ số điều chỉnh 1,35.

Điều 5. Trách nhiệm của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

2. Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý xã và Ban phát triển thôn lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan được giao quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (nếu có).

2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4,2,3,5.

DVT_05.01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cao Sơn